

Số: 18/NQ-HĐND

Vạn Ninh, ngày 30 tháng 6 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Về phát triển kinh tế - xã hội huyện Vạn Ninh giai đoạn 2016 - 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH
KHÓA XI, KỶ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006;

Căn cứ Thông tư 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Hướng dẫn lập, điều chỉnh, thẩm định, phê duyệt và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 3995/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Vạn Ninh đến 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của UBND huyện Vạn Ninh tại Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 08/6/2017 về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Vạn Ninh giai đoạn 2016 -2020; Báo cáo thẩm tra số 118/BC-BKTXH ngày 22/6/2017 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Vạn Ninh giai đoạn 2016 - 2020 với các nội dung chính như sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

Phát triển kinh tế - xã hội huyện Vạn Ninh phải được đặt trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Khánh Hòa cũng như vùng Nam Phú Yên- Bắc Khánh Hòa và khu vực Duyên hải Nam Trung bộ. Phát triển huyện Vạn Ninh trở thành vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc của tỉnh Khánh Hòa đi đôi với việc bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên. Tăng tính kết nối với thành phố Nha Trang, các huyện, thị xã và các tỉnh ven biển.

Tập trung khai thác tốt tiềm năng, lợi thế, huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển; đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn 2016 - 2020 và tạo đột phá trong giai đoạn 2020-2030. Tiếp tục đẩy mạnh chuyên dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp.

Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái, tạo sự chuyển biến cơ bản về chất

lượng nguồn nhân lực, phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với tăng cường và củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

Phát triển kinh tế theo hướng mở, tăng cường các mối quan hệ hợp tác đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội của huyện với các địa phương khác trong và ngoài tỉnh.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng huyện Vạn Ninh đến năm 2020 trở thành thị xã, thành vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc của tỉnh và trọng điểm kinh tế của vùng, có đóng góp ngày càng lớn vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh, của vùng. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; từng bước nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh nền kinh tế. Thu hẹp khoảng cách chênh lệch về thu nhập bình quân đầu người so với bình quân chung toàn tỉnh. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho yêu cầu phát triển và tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và nâng cao trình độ khoa học công nghệ trong các ngành sản xuất. Nâng cao dân trí, chất lượng nguồn nhân lực và đảm bảo phúc lợi xã hội cho mọi tầng lớp dân cư. Tiếp tục thực hiện mục tiêu giảm nghèo và tạo việc làm. Giữ vững chính trị, trật tự an toàn xã hội, phát triển kinh tế gắn với quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về kinh tế

- Phân đầu đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất giai đoạn 2016-2020 đạt 10-11%; trong đó: công nghiệp - xây dựng đạt 20-21%, thương mại - dịch vụ đạt 11-12%, nông, lâm, thủy sản đạt 5-5,5%.

- Thu hẹp khoảng cách chênh lệch về thu nhập bình quân đầu người so với bình quân chung toàn tỉnh từ 28,5% năm 2015 lên 35,3% vào năm 2020 tương ứng thu nhập bình quân đầu người (giá hiện hành) năm 2020 đạt 26-27 triệu đồng.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp. Cơ cấu ngành đến năm 2020 là nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ, tỷ trọng các ngành tương ứng đạt 45-46%, 36-37% và 17-18%.

- Tốc độ thu ngân sách tăng khoảng 21-22%. Tổng thu ngân sách đến 2020 đạt khoảng 268 tỷ đồng (trong đó thu ngân sách của huyện khoảng 180 tỷ đồng).

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội huy động giai đoạn 2016-2020 đạt 3.975 tỷ đồng; Tỷ lệ huy động vốn đầu tư toàn xã hội phân đầu năm 2020 đạt 18-19% so với giá trị gia tăng nền kinh tế.

2.2. Về xã hội

- Tốc độ tăng dân số tự nhiên giai đoạn 2016-2020 đạt 0,61%; tốc độ tăng dân số cơ học giai đoạn 2016-2020 đạt 0,05%. Đến năm 2020 quy mô dân số 135.725 người (trong đó dân số đô thị đạt 51% tổng dân số).

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm 2%.

- Số người lao động có việc làm tăng thêm bình quân hàng năm giai đoạn 2016-2020 khoảng 1.500 người.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến 2020 đạt 50% (trong đó đào tạo nghề 28,49%).

- Tỷ trọng lao động Công nghiệp - Dịch vụ - Nông nghiệp đến năm 2020 tương

ứng là 20%-31%-49% .

- Số bác sĩ tại các trạm y tế đến năm 2020 đạt 90%.
- 100% xã, phường, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế vào năm 2020.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đến năm 2020 còn dưới 6%.
- Đến 2020 có 63,6% số xã có trung tâm văn hóa - thể thao xã, có sân vận động xã.
- Đến năm 2020 có 60% thôn, tổ dân phố có nhà văn hóa, khu thể thao.
- Đến năm 2020 có trên 80% thôn, tổ dân phố, 85% gia đình và 98% cơ quan, đơn vị được công nhận tiêu chuẩn văn hoá.
- 100% số xã, phường, thị trấn duy trì đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục Trung học cơ sở đúng độ tuổi.
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia năm 2020 đạt 60%.
- Đến năm 2020 trẻ em 5 tuổi được học mẫu giáo trước khi vào lớp 1 đạt 99,9% .
- Tỷ lệ học sinh tiểu học hoàn thành chương trình tiểu học năm 2020 đạt 100%.
- Tỷ lệ học sinh THCS tốt nghiệp năm 2020 đạt 99,8%.
- 100% hộ gia đình có máy thu hình trên địa bàn huyện được xem các chương trình truyền hình số bằng các phương tiện khác nhau.

2.3. Về môi trường

- Độ che phủ rừng đạt trên 40% vào năm 2020 để nâng cao chất lượng độ che phủ.
- Đến 2020 có trên 95% dân số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.
- Đến 2020 có trên 90% dân số được sử dụng hố xí hợp vệ sinh.
- Đến năm 2020 số cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường đạt trên 95%.

2.4. Về xây dựng nông thôn mới

- Số xã đạt tiêu chí nông thôn mới đến năm 2020 là 8/11 xã.

III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Công nghiệp - xây dựng

Phát triển công nghiệp phải gắn với quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh và vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, gắn với nhu cầu thị trường, nâng cao năng lực quốc phòng, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, gắn chặt chẽ với bảo vệ môi trường. Phân đấu đến năm 2020 nhóm ngành công nghiệp - xây dựng đóng góp 36- 37% tổng giá trị sản xuất, giải quyết 20% lao động trong các ngành kinh tế, tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm giai đoạn 2016 - 2020 đạt 20 - 21% tổng giá trị sản xuất.

Đẩy nhanh tốc độ phát triển ngành công nghiệp trên cơ sở phát huy có hiệu quả các ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, các ngành công nghiệp có tính mũi nhọn của huyện để tạo được bước chuyển biến căn bản về hiệu quả và tốc độ tăng trưởng theo hướng kết hợp tăng trưởng và phát triển bền vững trong công nghiệp.

Thu hút đầu tư đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn mà huyện có lợi thế như: công nghiệp cảng biển, dịch vụ và công nghiệp hậu cần cảng; công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng; công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; nước tinh khiết...

Từng bước hình thành phát triển các dạng năng lượng mới, năng lượng tái tạo như: sản xuất điện từ năng lượng mặt trời, điện gió... tại bán đảo Hòn Gốm. Chú trọng phát triển công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp truyền thống, tạo nền tảng công

nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Phát triển các nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch, đồng thời quy hoạch các khu trung bày giới thiệu sản phẩm tại các Trung tâm du lịch, nhà hàng, khách sạn.

Đẩy mạnh tiến độ xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Vạn Thắng, khu sản xuất vật liệu xây dựng Tân Dân, khu vực sản xuất công nghiệp tập trung tại Dốc Đá Trắng, nhằm tạo mặt bằng thu hút nhanh các dự án đầu tư. Xây dựng cơ sở hạ tầng các khu du lịch, khu đô thị, trung tâm xã, khu tái định cư và điểm dân cư nông thôn mới.

2. Thương mại, dịch vụ và du lịch

Phát triển ngành thương mại, dịch vụ và du lịch theo hướng tăng trưởng nhanh để chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế và nâng cao hiệu quả nền kinh tế. Phần đầu đến năm 2020 nhóm ngành thương mại, dịch vụ và du lịch đóng góp 17- 18% tổng giá trị sản xuất, giải quyết 31% lao động trong các ngành kinh tế, tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm giai đoạn 2016 - 2020 đạt 11-12% tổng giá trị sản xuất.

Đầu tư phát triển mạnh ngành du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của huyện Vạn Ninh, gắn kết chặt chẽ với du lịch tỉnh, vùng và cả nước; mở rộng các tuyến du lịch trực tiếp đến các nước trong khu vực. Hình thành một tổ hợp các khu, cụm du lịch với các loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng biển, thể thao giải trí biển, du lịch tham quan, du lịch hội nghị, hội thảo, sự kiện.

Phát triển các loại hình dịch vụ cao cấp, chất lượng cao. Xây dựng hệ thống dịch vụ tài chính, ngân hàng như: trung tâm thương mại - tài chính tại bán đảo Hòn Gôm, Trung tâm thương mại - xe buýt Vạn Ninh; hệ thống siêu thị, chợ huyện, chợ đầu mối, chợ xã như Siêu thị tại khu đô thị Tu Bông, khu đô thị Vạn Thắng, chợ huyện; hệ thống các khách sạn, nhà hàng, cửa hàng trung bày, giới thiệu và bán sản phẩm hàng hóa phục vụ du lịch,... kích thích các hoạt động kinh tế khu vực này trở nên sôi động hơn.

Phát triển mạnh dịch vụ vận tải biển, dịch vụ cảng, dịch vụ hậu cần cảng, dịch vụ du lịch, dịch vụ tài chính, ngân hàng, dịch vụ giáo dục- y tế,... hỗ trợ tốt cho sản xuất và nâng cao chất lượng sống cho người dân.

3. Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Phát triển ngành nông nghiệp, thủy sản theo hướng nâng cao chất lượng tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành để nâng cao hiệu quả, bảo đảm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với thực hiện chính sách an sinh xã hội. Phần đầu đến năm 2020 nhóm ngành nông - lâm - thủy sản đóng góp 45- 46% tổng giá trị sản xuất, giải quyết 49% lao động trong các ngành kinh tế, tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm của giai đoạn 2016 - 2020 đạt 5- 5,5% tổng giá trị sản xuất.

- Về nông nghiệp: Phần đầu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân 4- 5%/năm, chiếm tỷ trọng 28% vào năm 2020 trên tổng giá trị sản xuất toàn ngành. Ổn định diện tích trồng lúa 2 - 3 vụ đảm bảo an toàn lương thực; nâng cao chất lượng đàn gia súc, gia cầm, phát triển mô hình chăn nuôi trang trại tập trung gắn với công nghiệp chế biến, nâng tỉ lệ sin hóa đàn bò. Trong giai đoạn 2016 - 2020 tập trung ưu tiên phát triển các loại cây chủ lực là lúa nước, rau các loại, mía, đậu phụng; phát triển 03 loại vật nuôi chính là bò thịt, heo và gia cầm.

- Về thủy sản: Phát triển ngành thủy sản theo hướng bền vững, khai thác tiềm năng lợi thế về kinh tế biển, phát triển cả khai thác, nuôi trồng, chế biến và hậu cần nghề cá; phát triển thủy sản gắn với phát triển du lịch, gắn với công nghiệp chế biến xuất khẩu; đẩy mạnh nghề khai thác thủy sản xa bờ, gắn với tàu công suất lớn, hiện đại gắn với bảo

vệ chủ quyền biên đảo, nâng cao hàm lượng khoa học, công nghệ trong đánh bắt, bảo quản.

Phát triển vùng nuôi tôm tập trung (*tôm thẻ thâm canh*) đạt 750 ha, gồm các xã: Vạn Thạnh 20 ha, Vạn Thọ 100 ha, Vạn Phước 60 ha, Vạn Long 60 ha, Vạn Khánh 200 ha, Vạn Thắng 150 ha, Vạn Lương 10 ha, Vạn Hưng 150 ha.

Đầu tư phát triển nuôi trồng thủy hải sản tại các vùng ven biển và hải đảo... Đối tượng nuôi chủ yếu là tôm hùm, cá biển, ngọc trai... Sản lượng hải sản đánh bắt xa bờ tăng hàng năm; đến năm 2020 đạt 15.000 tấn.

- Về lâm nghiệp: Mục tiêu đến năm 2020 độ che phủ rừng đạt 40%.

Tổng diện tích đất trồng, chăm sóc rừng phòng hộ khoảng 230 ha; Chăm sóc rừng trồng chuyên tiếp 134 ha. Rừng phòng hộ đầu nguồn lưu vực sông Đông Điền, sông Cạn, sông Hiền Lương; Rừng phòng hộ ven biển tập trung ở bán đảo Tuần Lễ, xã Vạn Thọ. Tổng diện tích trồng rừng ngập mặn 220 ha, trong đó: xã Vạn Hưng 100 ha, xã Vạn Long 70 ha, xã Vạn Phước 30 ha và xã Vạn Thọ 20 ha.

4. Phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông:

* *Giao thông đường bộ*

- Đường tỉnh: gồm các tuyến với tổng chiều dài các tuyến 112,9 km, quy hoạch đạt tiêu chuẩn cấp III và cấp IV và chuẩn đường đô thị:

+ Đường Đầm Môn (ĐT 651): dài 23 km, đường đô thị, rộng 100 m;

+ Đường dọc biển (ĐT 651B): dài 40,4 km, đường đô thị, rộng 26 m;

+ Đường Nguyễn Huệ (ĐT 651C): dài 19,3 km, đường đô thị, rộng 26 m;

+ Đường Vạn Giã - đập Đá Bàn (ĐT 651D): dài 18,9 km, đường cấp III đồng bằng, rộng 42 m;

+ Đường Xuân Sơn (ĐT 651E): dài 8,0 km, đường cấp IV MN, rộng 27,5 m;

+ Đường Vạn Hưng (ĐT 651G): dài 3,3 km, đường cấp IIIĐB, rộng 42 m.

Ngoài ra còn có hệ thống tuyến đường gom dọc Quốc lộ qua địa bàn huyện Vạn Ninh dài tổng số 41,35 km. Đường gom được thiết kế tối thiểu 2 làn xe, bề rộng nền đường tối thiểu rộng 10m (2 làn X 3,5m + 2 lề X 1,5m), vận tốc thiết kế V=60Km/h, tương ứng đường cấp IV đồng bằng theo tiêu chuẩn thiết kế TCVN 4054-2005.

- Đường huyện: gồm 12 tuyến với tổng chiều dài các tuyến 46,63 km, quy hoạch đạt tiêu chuẩn cấp V đồng bằng.

- Đường đô thị: quy hoạch theo chỉ giới xây dựng.

- Đường xã: quy hoạch đạt tiêu chí nông thôn mới (GTNT A và B).

* *Giao thông đường thủy*:

- Xây dựng bến cảng tổng hợp đa năng, Cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong và bến tàu khách du lịch quốc tế Đầm Môn.

- Bến đò thủy nội địa (bến Hải Triều, bến Vạn Thọ, bến Tuần Lễ, bến Vĩnh Yên, bến Mũi Đá Sơn, bến Đại Lãnh, bến Bãi Ngang, bến Cát Thảm, bến Mũi Đá Chồng, bến Hồ Na, bến Sơn Đùng, bến Cá Ông, bến bãi Lách, bến Khải Lương, bến Ninh Tân, bến Ninh Đảo, bến Tân Đức, bến Xuân Tự, bến Xuân Vinh, bến cá Quảng Hội).

* *Hệ thống bến xe*

- Xây dựng bến xe Vạn Ninh tại xã Vạn Bình, quy mô 2,21 ha; Bến xe Tu Bông tại xã Vạn Long, quy mô 0,4 ha và Bến xe Đầm Môn tại xã Vạn Thạnh, quy mô 0,6 ha.

- Quy hoạch các điểm đỗ xe khách, xe tải tại các khu vực chợ, khu vực thương mại, khu du lịch và các khu dân cư tập trung.

b) Thủy lợi:

- Xây mới 3 hồ chứa: hồ Đồng Điền (xã Vạn Phú, Vạn Bình), hồ Đồng Dáy (xã Vạn Thắng) và hồ Đại Lãnh (xã Đại Lãnh).

- Nâng cấp 2 hồ: hồ Suối Lớn (xã Vạn Thọ), hồ Suối Luông (xã Vạn Thắng).

- Nâng cấp 3 đập dâng: đập Hải Triều (xã Vạn Long), đập Phú Hội (xã Vạn Thắng), đập Bà Tú (xã Vạn Khánh).

- Kiên cố toàn bộ hệ thống kênh mương của các xã.

- Nâng cấp, xây dựng mới hệ thống kè chắn sóng biển và đê ngăn mặn: kè thôn Ninh Tân, thôn Ninh Đảo, thôn Diệp Sơn, (xã Vạn Thạnh), kè Đại Lãnh, Kè bờ tả, bờ hữu sông Đồng Điền và kè bờ biển thị trấn Vạn Giã.

c) Cấp nước, thoát nước và xử lý chất thải rắn

- Nâng cấp nhà máy nước Vạn Ninh, công suất 39.000 m³/ngđ. Xây dựng mới nhà máy nước Đại Lãnh, công suất 2.000 m³/ngđ; nhà máy nước Tu Bông công suất 50.000 m³/ngđ và đầu tư hệ thống cấp nước 4 thôn đảo, xã Vạn Thạnh.

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại thị trấn Vạn Giã, đô thị Tu Bông, thị tứ Vạn Hưng, khu công nghiệp Vạn Thắng và các trọng điểm du lịch.

- Quy hoạch các bãi trung chuyển rác tại các khu vực đô thị, các khu dân cư tập trung, khu vực chợ. Xây dựng mới khu xử lý chất thải rắn tại thôn Suối Hàng, xã Vạn Khánh quy mô 30 ha; phục vụ nhu cầu xử lý chất thải rắn khu vực Đại Lãnh, Tuần Lễ - Hòn Ngang, trung tâm bán đảo Hòn Gốm, khu vực Tu Bông, thị trấn Vạn Giã và các khu vực phụ cận khác nhằm bảo vệ môi trường bãi biển và các khu du lịch.

- Quy hoạch nghĩa trang phía Bắc huyện Vạn Ninh, xã Vạn Khánh diện tích 30,53 ha; Nghĩa trang phía Nam huyện Vạn Ninh, xã Vạn Hưng diện tích 33,4 ha và Nghĩa trang, nghĩa địa tại các xã, tổng số 15,65 ha (gồm xã Xuân Sơn, Vạn Phú, Vạn Bình, Vạn Thắng, Vạn Thạnh).

d) Cấp điện:

Mục tiêu đến năm 2020 đáp ứng 100% hộ gia đình đều được sử dụng điện lưới quốc gia và đáp ứng 100% nhu cầu về điện sản xuất phù hợp với qui mô sản xuất, cụm công nghiệp, cảng biển, các khu du lịch.

- Nâng cấp trạm Vạn Giã 110/22KV; Xây dựng mới: Trạm KCN Vạn Thắng quy mô 2x40 MVA; Trạm 110/22KV Vân Phong, quy mô 2x63 MVA; Trạm 110/22KV Đầm Môn, quy mô 2x63 MVA; Trạm 110/22KV CN Dốc Đá Trắng, quy mô 2x40 MVA.

- Năng lượng tái tạo: Xây dựng nhà máy phong điện Vạn Thạnh, dự kiến xây dựng tại bán đảo Hòn Gốm, công suất là 112 MW.

e) Bưu chính và truyền thông

- Đảm bảo 100% số xã có ít nhất 1 điểm phục vụ là Bưu cục hoặc điểm Bưu điện văn hóa xã.

- Nâng cấp Bưu cục Trung tâm (thị trấn Vạn Giã), Bưu cục Tu Bông (xã Vạn Long) và Bưu cục Xuân Tụ (xã Vạn Hưng).

- Phát triển hạ tầng thông tin phục vụ công tác phòng chống thiên tai, an ninh quốc phòng.

- Tất cả các xã đều được phủ sóng phát thanh và truyền hình chất lượng cao, 100% số xã có trạm truyền thanh.

5. Văn hoá - xã hội

a) Dân số, lao động và việc làm

- Hàng năm giảm tỷ suất sinh trung bình 0,1-0,3‰. Tốc độ tăng dân số trung bình khoảng 1,0- 1,5%, trong đó dân số cơ học tăng khoảng 0,1- 0,9%/năm;

- Quy mô dân số toàn huyện đến năm 2020 có khoảng 135.725 người.

- Số người lao động có việc làm tăng bình quân hàng năm 1.500 - 2.000 lao động.

- Phân đầu đến năm 2020 lao động qua đào tạo đạt 50% (trong đó đào tạo nghề 28,5%) so với tổng số lao động đang làm việc.

b) Giáo dục và đào tạo:

Phát triển mạng lưới trường, lớp ở các cấp học đạt chuẩn quốc gia, chú trọng phát triển nhà trẻ mẫu giáo theo hướng xã hội hóa. Phát triển toàn diện, đồng bộ cả về quy mô, chất lượng giáo dục đào tạo, bảo đảm tốt cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, huy động mọi trẻ em trong độ tuổi đi học đến trường học.

- Phân đầu đạt được một số mục tiêu và định hướng sau:

+ 100% số xã, thị trấn duy trì đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục Tiểu học và phổ cập giáo dục Trung học cơ sở.

+ Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2020 đạt 60%.

+ Tỷ lệ giáo viên các cấp học đạt chuẩn 100% và nâng cao tỷ lệ giáo viên đạt trình độ đào tạo trên chuẩn.

+ Trẻ em 5 tuổi được học mẫu giáo trước khi vào lớp 1 đến năm 2020 đạt 99,9%.

+ Tỷ lệ học sinh tiểu học ra lớp đến năm 2020, đạt 99,8%.

+ Tỷ lệ học sinh trung học cơ sở ra lớp đến năm 2020 đạt 97,5%.

+ Tỷ lệ học sinh tiểu học hoàn thành chương trình đến năm 2020, đạt 100%.

+ Tỷ lệ học sinh trung học cơ sở tốt nghiệp đến năm 2020.

+ Tỷ lệ học sinh tiểu học học 2 buổi/ngày đến năm 2020 đạt 50%.

- Phát triển hệ thống trường lớp:

+ Trung tâm dạy nghề phía Bắc huyện Vạn Ninh, tại xã Vạn Long.

+ Xây mới 02 trường THPT tại xã Vạn Bình và xã Vạn Thọ.

+ Xây dựng 07 trường THCS gồm: Trường THCS Vạn Phú, Trường THCS Vạn Bình; Trường THCS xã Vạn Thạnh (tại điểm Khải Lương), Trường THCS Vạn Thắng, Trường THCS Vạn Giã và Trường THCS Vạn Lương.

+ Xây dựng 06 trường Tiểu học, gồm: Trường tiểu học Vạn Lương 3, Trường tiểu học Vạn Thạnh 2, Trường tiểu học Vạn Bình 2, Trường tiểu học Đại Lãnh 1, Trường tiểu học Vạn Long 2 và Trường tiểu học Vạn Thạnh 1 (tại khu TĐC Vĩnh Yên).

c) Về Y tế:

Quy hoạch và phát triển mạng lưới y tế cơ sở, hoàn thiện hệ thống y tế dự phòng, nâng cấp các trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia, quy hoạch đội ngũ y bác sĩ và cán bộ y tế, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe tại chỗ cho nhân dân với chất lượng các dịch vụ y tế đạt hiệu quả cao.

- Mục tiêu đến năm 2020:
- + 90% số xã, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế.
- + 100% trạm y tế xã, thị trấn có bác sĩ điều trị.
- + Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng năm 2020 đạt 98%.
- + Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đến năm 2020 còn dưới 6%.
- + Tỷ lệ dân số tham gia BHYT đến năm 2020 đạt 90%.
- Quy hoạch phát triển mạng lưới y tế:
- + Xây dựng Trung tâm dân số và kế hoạch hóa gia đình, Đội y tế dự phòng và Đội bảo vệ bà mẹ trẻ em.
- + Nâng cấp Phòng khám Đa khoa khu vực Tu Bông.
- + Nâng cấp Bệnh viện đa khoa Vạn Ninh.
- + Xây mới, sửa chữa các trạm y tế, phân trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia, gồm: Trạm y tế xã Xuân Sơn, Trạm y tế Vạn Thắng 2, Trạm y tế Vạn Hưng 2, Trạm y tế Vạn Giã 2, Phân Trạm y tế tại thôn Ninh Tân, Phân Trạm y tế tại thôn Điệp Sơn và Phân Trạm y tế tại Đầm Môn, xã Vạn Thạnh.

d) Văn hoá - thông tin - thể thao

- Phần đầu đến năm 2020 đạt được một số mục tiêu sau:
- + 63,6% số xã có trung tâm văn hóa - thể thao và sân vận động xã.
- + 60% thôn, tổ dân phố có nhà văn hóa, khu thể thao;
- + Trên 80% thôn, tổ dân phố, 85% gia đình và 98% cơ quan, đơn vị được công nhận tiêu chuẩn văn hoá.
- + Tỷ lệ người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đến năm 2020 đạt trên 40% tổng dân số.
- + Tỷ lệ hộ gia đình tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đến năm 2020 đạt trên 35% tổng số hộ.
- Xây dựng các công trình:
- + Quảng trường 14/8 thị trấn Vạn Giã.
- + Nâng cấp Trung tâm văn hóa - thể thao huyện.
- + Các công viên cây xanh - thể dục, thể thao theo quy hoạch xây dựng.
- + Đài tưởng niệm tại xã Vạn Hưng và xã Đại Lãnh.
- + Trung tâm văn hóa- thể thao cho các xã và nhà văn hóa các thôn còn lại đạt chuẩn nông thôn mới.
- + Xây dựng trung tâm thể dục thể thao tại khu đô thị mới Tu Bông; xây dựng sân vận động cho 10 xã, thị trấn và khu thể thao cho các thôn, khu phố.

e) An sinh xã hội và xoá đói giảm nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2%/năm; đến năm 2020 hộ nghèo giảm xuống dưới 2,5% theo tiêu chí hộ nghèo do Chính phủ quy định theo từng thời kỳ.

6. Xây dựng các tiểu vùng kinh tế - xã hội

- Tiểu vùng 01 - Tiểu vùng kinh tế nông nghiệp: Tiểu vùng này gồm khu vực đồng bằng, trung du chuyển tiếp và vùng núi phía Tây huyện. Tiểu vùng này có lợi thế về trồng cây lương thực, thực phẩm, nuôi trồng thủy sản và làm muối để phát triển kinh tế nông nghiệp tập trung, phát triển rừng và kinh tế lâm nghiệp.

- Tiểu vùng 02 - Tiểu vùng kinh tế trung tâm đô thị: Tiểu vùng này gồm khu vực đồng bằng ven biển từ thị trấn Vạn Giã đến đèo Cổ Mã. Tiểu vùng này có tốc độ đô thị hóa mạnh, có lợi thế là trung tâm kinh tế hạt nhân, có vai trò thúc đẩy và liên kết các tiểu vùng khác phát triển. Tiểu vùng này là trung tâm đô thị, trung tâm thương mại, công nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

- Tiểu vùng 03 - Tiểu vùng kinh tế ven biển: Tiểu vùng này gồm khu vực bán đảo Hòn Gốm đến Đại Lãnh. Tiểu vùng này là trung tâm kinh tế - dịch vụ- thương mại tổng hợp của huyện cũng như tỉnh và vùng; trong đó trọng tâm là cảng biển quốc tế, dịch vụ hậu cảng, dịch vụ du lịch và tài chính thương mại. Tiểu vùng này có lợi thế về phát triển du lịch, phát triển kinh tế biển, khai thác, nuôi trồng thủy sản.

7. Bảo vệ môi trường

Bảo vệ môi trường để phát triển bền vững theo phương châm lấy phòng ngừa và hạn chế tác động xấu đối với môi trường là chính kết hợp với xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái, cải thiện môi trường và bảo tồn thiên nhiên. Mục tiêu cụ thể sau:

- Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2020 đạt trên 40%.
- Đến 2020 có trên 95% dân số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.
- Đến 2020 có trên 90% dân số sử dụng hố xí hợp vệ sinh.
- Đến 2020 có trên 95% cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường.
- Quản lý, xử lý chất thải công nghiệp, chất thải y tế đến năm 2020 đạt trên 90%.

8. Quốc phòng - an ninh

Phát triển kinh tế- xã hội gắn với củng cố quốc phòng- an ninh, xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và thế trận biên phòng toàn dân.

Xây dựng thực lực chính trị. Xây dựng các tổ chức trong hệ thống chính trị luôn vững mạnh. Phân đấu đến năm 2020 có trên 90% xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng an ninh. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng trong khu vực phòng thủ.

IV. DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

(Thực hiện theo kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được HĐND huyện thông qua tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 23/12/2016)

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp huy động vốn đầu tư

Cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh, nhất là cải cách thủ tục đầu tư; tạo điều kiện về cơ sở hạ tầng để sẵn sàng tiếp nhận các dự án đầu tư; ban hành các chính sách hỗ trợ đầu tư hấp dẫn, minh bạch, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Mở rộng các hình thức đầu tư BOT, BTO, BT, BOO, PPP... tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các thị trường vốn; phát triển các hình thức liên doanh, liên kết đầu tư, góp vốn đầu tư bằng tài sản.

Phát triển các hình thức tạo vốn từ quỹ đất: cho thuê mặt bằng kinh doanh, văn phòng cao cấp và bán đấu giá quyền sử dụng đối với các khu vực có giá trị thương mại cao như: đô thị, du lịch, dịch vụ...Thực hiện có hiệu quả chủ trương xã hội hóa trên lĩnh vực y tế, dạy nghề, giáo dục, văn hóa và thể thao, môi trường.

Xây dựng các chính sách về tín dụng tạo điều kiện thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế vay vốn tín dụng để phát triển sản xuất; nhất là các chính sách tín dụng ưu đãi cho

các lĩnh vực: nông nghiệp, nông thôn và nông dân, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, phát triển sản xuất tại vùng kinh tế - xã hội khó khăn, hộ nghèo và đối tượng chính sách...

Tăng cường phối hợp với các ngành của tỉnh xúc tiến đầu tư nhằm thu hút các nguồn vốn đầu tư nước ngoài (FDI, ODA...). Đặc biệt chú trọng thu hút nguồn vốn FDI, tăng tiềm lực vốn để đẩy mạnh phát triển sản xuất, kinh doanh.

2. Giải pháp về xây dựng kết cấu hạ tầng

Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách Nhà nước đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu như giao thông, thủy lợi. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư các công trình điện, nước, kết cấu hạ tầng khu đô thị, khu du lịch, dịch vụ, sản xuất,... để kinh doanh bằng hình thức đối đất lấy cơ sở hạ tầng đối với các khu quy hoạch dân cư, dịch vụ tại đô thị, khu du lịch.

Thực hiện xã hội hoá về xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là các công trình có quy mô vừa và nhỏ như giáo dục, văn hóa, thể thao, chợ...

3. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí đào tạo cho lao động nông thôn và các nguồn tài trợ khác hàng năm để đầu tư cho hoạt động tuyên truyền, tư vấn học nghề và giới thiệu việc làm sau khi đào tạo; điều tra khảo sát và dự báo chính xác về đào tạo nghề cho người lao động; thí điểm mô hình dạy nghề theo địa chỉ sử dụng; tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề, phát triển chương trình, giáo trình, học liệu; phát triển và nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý nghề.

Thu hút đầu tư, mở thêm các cơ sở công nghiệp, công nghiệp chế biến, xây dựng, thương mại, du lịch,... đi đôi với phát triển ngành nghề ở nông thôn. Thông qua các chương trình khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư và khuyến lâm để hỗ trợ vốn, kinh nghiệm sản xuất, thông tin thị trường cho người lao động. Áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ trong sản xuất nông nghiệp theo hướng tăng giá trị tăng thêm của các sản phẩm thủy sản vốn là thế mạnh của địa phương.

Đẩy mạnh xã hội hóa đào tạo; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đào tạo nghề, hoạt động dịch vụ giới thiệu việc làm.

Gắn đào tạo nghề nghiệp với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện, trước mắt chú trọng đào tạo các ngành nghề công nghiệp như: điện dân dụng, điện công nghiệp, chế biến nông thủy sản, thực phẩm, các ngành nghề dịch vụ du lịch,...

Trọng dụng tài năng, có cơ chế chính sách ưu đãi thu hút các nhà khoa học, cán bộ giỏi, thợ lành nghề bậc cao, người có tâm huyết, trình độ, sinh viên giỏi mới ra trường về công tác, làm việc tại huyện, tại các tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất,... của huyện.

4. Giải pháp về khoa học công nghệ

Khuyến khích và hướng dẫn người dân thực hiện cơ khí hóa các hoạt động sản xuất nông nghiệp để tăng năng suất, mở rộng quy mô và giảm thiểu hao phí lao động. Áp dụng công nghệ sinh học vào sản xuất các giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện của địa phương, khả năng chống sâu bệnh tốt và cho năng suất cao. Triển khai rộng rãi các mô hình sản xuất hiện đại, hiệu quả đến với bà con nông dân.

Nghiên cứu các mô hình thử nghiệm, chuẩn bị chuyển hướng cho giai đoạn sau; nghiên cứu tạo sản phẩm mới từ nguồn nguyên liệu địa phương, đặc biệt từ các sản phẩm nông nghiệp.

Kêu gọi các nhà máy, cơ sở sản xuất hỗ trợ nông dân đưa công nghệ vào sản xuất, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào canh tác,... đảm bảo nguồn nguyên liệu cung cấp cho chính

nhà máy, các cơ sở sản xuất và tạo điều kiện cho người dân phát triển sản xuất. Có chính sách ưu đãi, khuyến khích cho các doanh nghiệp, nhà máy và cơ sở sản xuất trên địa bàn huyện có nhu cầu đổi mới công nghệ.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa tin học để mở rộng kiến thức cho mọi người dân trong huyện, đặc biệt là cán bộ quản lý, người sản xuất tiếp cận kiến thức mới, tiếp cận thị trường dễ dàng và nhanh chóng. Tăng cường đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho khoa học công nghệ; thu hút các chuyên viên kỹ thuật giỏi từ nơi khác đến công tác tại huyện.

Học hỏi và đầu tư xây dựng các mô hình sản xuất, các dây chuyền công nghệ sử dụng các phế thải, phụ phẩm nông nghiệp để giảm thiểu chất thải nông nghiệp và tiết kiệm chi phí phát triển khoa học công nghệ.

5. Giải pháp về thị trường

Đẩy mạnh công tác khuyến mãi, giới thiệu sản phẩm, tìm kiếm khách hàng, tìm kiếm thị trường, đánh thuế một lần, không gây ách tắc lưu thông, khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân làm hàng xuất khẩu. coi trọng thị trường trong nước, nhất là thị trường gần ngay ở các xã của huyện, nội tỉnh và các tỉnh Miền Trung và Tây Nguyên.

Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng trung tâm thương mại, chợ đầu mối nông, hải sản để thúc đẩy thương mại và tiêu thụ hàng nông, hải sản. Gọi vốn đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến nông hải sản chất lượng cao trên địa bàn huyện, sử dụng nguyên liệu của địa phương, tạo ra sản phẩm chất lượng và sức cạnh tranh cao, đa dạng sản phẩm hàng hóa của huyện. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm, cải tiến mẫu mã... đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.

Hỗ trợ thông tin về sản xuất, về thị trường để giúp cơ sở và người sản xuất đầu tư phát triển sản xuất theo thị trường và tiêu thụ sản phẩm có hiệu quả; Khuyến khích cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp triển khai thực hiện ký hợp đồng tiêu thụ nông, hải sản nhằm tạo thuận lợi cho lưu thông nông sản hàng hóa và cung ứng vật tư nông nghiệp, tạo nguồn hàng cho xuất khẩu.

6. Giải pháp về liên kết, hợp tác liên vùng, liên tỉnh

Củng cố quan hệ hợp tác với các địa phương lân cận trên cơ sở phát huy thế mạnh trong giáo dục đào tạo của từng địa phương tạo ra nguồn nhân lực chất lượng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội huyện, của tỉnh và toàn vùng.

Tăng cường phối hợp với các ngành để tổ chức hội chợ việc làm tăng cơ hội tiếp cận việc làm cho người lao động, xác định nhu cầu lao động của từng địa phương và bổ sung nhân lực cho nhau.

Tăng cường kết nối phát triển kinh tế liên vùng, liên tỉnh: như Khu kinh tế Vân Phong, vùng Nam Phú Yên- Bắc Khánh Hòa và các tỉnh trong vùng như Phú Yên, ĐăkLăk...

7. Giải pháp nâng cao năng lực quản lý hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của bộ máy quản lý nhà nước

Xây dựng và hoàn thiện cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy hành chính các cấp; đẩy mạnh việc phân cấp quản lý cho các ngành, các cấp, làm rõ quyền hạn, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành và người đứng đầu cơ quan; đổi mới nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức nhằm từng bước chuẩn hóa, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng hành chính cho đội ngũ cán bộ công chức cơ sở; thực hiện có

hiệu quả công tác cải cách tài chính công; tăng cường mối quan hệ làm việc theo mô hình trực tuyến chức năng sẽ tăng được hiệu lực, hiệu quả của bộ máy hành chính các cấp.

Từng bước tách biệt rõ cơ quan hành chính công quyền với tổ chức sự nghiệp dịch vụ công. Đổi mới phương thức điều hành, đồng thời cải tiến nâng cao chất lượng nội dung các cuộc họp; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời xử lý những vướng mắc, tồn tại ở các đơn vị, địa phương.

Đào tạo và đào tạo lại cán bộ: đào tạo tập trung, đào tạo tại chức, bồi dưỡng nghiệp vụ, đào tạo chuyên tu... Chú trọng công tác tạo nguồn cán bộ tại chỗ, đáp ứng biên chế cho đội ngũ cán bộ cơ sở đủ về số lượng, coi trọng chất lượng, nhất là về phẩm chất chính trị, có phương pháp và tác phong công tác sâu sát cơ sở, gần gũi với nhân dân.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, quản lý Nhà nước, chính sách dân tộc tôn giáo, pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức từ huyện xuống xã, trường, phó thôn đang công tác, làm việc.

8. Bảo vệ môi trường, phát triển bền vững

Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường; xã hội hóa các hoạt động bảo vệ môi trường. Tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường: Kiện toàn và nâng cao năng lực hoạt động của đội ngũ quản lý môi trường. Tổ chức thực hiện tốt các văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách bảo vệ môi trường của Nhà nước. Tăng cường kiểm tra, giám sát, phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm túc các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Căn cứ các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện giai đoạn 2016 – 2020 của Nghị quyết này, UBND huyện xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm (giai đoạn 2016 – 2020); hàng năm trên cơ sở chỉ tiêu phát triển của giai đoạn 05 năm và tình hình thực tế của địa phương xây dựng kế hoạch cho phù hợp để tổ chức thực hiện.

- Thường xuyên kiểm tra, thanh tra đối với công tác phát triển theo đúng kế hoạch đề ra. Cuối kỳ kế hoạch phải tổ chức rà soát, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho kỳ kế hoạch tiếp theo.

- Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh những biến động hoặc thay đổi lớn đối với các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã được phê duyệt, UBND huyện báo cáo HĐND huyện xem xét quyết định.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này trên các lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi trách nhiệm được phân công.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Vạn Ninh khóa XI, kỳ họp lần thứ 4 thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh KH;
- Sở Kế hoạch đầu tư;
- Trung tâm công báo KH (02 bản);
- TT Huyện ủy, HĐND huyện, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các Phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, CV.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Tấn Thoại